TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2025/HS-ST
Ngày: 27 – 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đình Học

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Lâm Mây

2. Bà: Phan Thị Ngọc Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Quyền Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 14, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 14, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Giang Huy - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 14, tỉnh Đồng Nai, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2025/HSST ngày 15 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HS ngày 16/9/2025 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm: 1966, tại Đồng Nai.

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Nơi cư trú: Thôn N, xã L, tỉnh Đồng Nai.

Cha: Phạm N (đã chết), Mẹ: Nguyễn Thị H (đã chết); Bị cáo có 03 anh, em lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1978; Vợ: Phạm Thị Thu T1, sinh năm: 1966; Bị cáo có 02 người con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1995.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Phạm Văn T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 15/5/2025 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ngô Hoàng D, sinh năm: 1994 (đã chết)

Đại diện bị hại D:

Bà Nguyễn Hồng Mỹ P, sinh năm: 1995 (Vợ của bị hại); Nơi cư trú: Ấp H, xã L, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt); Ngô Thiện H1, sinh năm 1971, Hoàng Thị T2, sinh năm 1973; Cùng cư trú: Thôn N, xã L, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

2. Ông Huỳnh Ngọc T3, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: Ấp H, xã L, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Trọng N1, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Ấp H, xã L, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 26/10/2024, Phạm Văn T điều khiển xe mô tô ba bánh, biển kiểm soát 61L8-8405 chở nhiều tấm tôn được cuộn tròn và sắt (đặt dọc theo thân xe) chạy một mình từ xưởng tôn L thuộc ấp A, xã L đến ấp T, xã L để giao cho anh Lê Vũ H2. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến đoạn đường Quốc lộ 13B trước căn nhà đang xây dựng, T điều khiển cho xe lùi vào sân nhà để giao tôn. Lúc này, anh H2 cùng anh Huỳnh Ngọc T3, là thợ xây dựng ra hỗ trợ để khiêng hàng xuống, T cho xe lùi vào sân, do cuộn tôn có chiều dài 16,35m nên một phần tôn phía trước xe ba bánh dài hơn 7m chắn ngang đường, anh T3 cầm đèn pin đứng trước đầu cuộn tôn phía ngoài đường để cảnh báo các phương tiện lưu thông từ hướng Quốc lộ A – Đồn Biên phòng L1, còn anh H2 đi gọi thêm người hỗ trợ xuống tôn và sắt. Cùng lúc này, xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Wave, biển kiểm soát 93F1-532.87 do anh Ngô Hoàng D điều khiển chở phía sau là anh Lê Trọng N1 lưu thông trên đường Quốc lộ 13B theo hướng từ Đồn Biên phòng L1 - Quốc lộ A đã va chạm vào giữa cuộn tôn đang chắn ngang đường làm anh D, anh N1 ngã xuống đường. Tai nạn xảy ra làm anh Ngô Hoàng D tử vong trên đường đi cấp cứu, anh Huỳnh Ngọc T3 bị gãy xương chân trái và anh Lê Trọng N1 bị xây sát nhẹ.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Căn cứ biên bản khám nghiệm hiện trường của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ), hiện trường để lại những dấu vết như sau.

Hiện trường nơi xảy ra vụ án là tại đoạn Quốc lộ A thuộc ấp T, xã L, tỉnh Đồng Nai, mặt đường được trải nhựa bằng phẳng, có chiều rộng là 7,5 mét, ở giữa có vạch màu vàng đơn nét đứt. Trung tâm hiện trường va chạm giữa xe môtô biển kiểm soát 93F1-532.87 và cuộn tôn trên xe môtô 03 bánh biển kiểm soát 61L8-8405 nằm trên phần đường bên phải hướng từ Quốc lộ A đi vào Đồn Biên phòng L1. Trên phần đường bên phải hướng từ Quốc lộ A đi vào Đồn Biên phòng L1 có dấu vết xạt của bánh xe cách mép đường bên phải 2,28 mét, cuộn tôn trên xe ba bánh nằm ngã nghiêng trên đường theo hướng đầu chếch về Quốc lộ A, dấu vết cày trên mặt đường trượt dài theo hướng từ Đồn Biên phòng L1 đi Quốc lộ A kéo dài liền với các chi tiết trên xe môtô biển kiểm soát 93F1-532.87 nằm ngã nghiêng bên trái đầu xe chếch vào mép đường bên phải, đuôi xe chếch ra giữa đường.

Kết quả khám nghiệm phương tiện: Phần đầu xe môtô biển kiểm soát 93F1-532.87 bị bể nát hoàn toàn phù hợp với dấu vết cong thụm của cuộn tôn nằm ngã nghiêng trên nền đường nối dài ra từ xe ba bánh.

Tại kết luận giám định tử thi số: 1164/KL-KTHS ngày 01/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh B (Nay là Phòng K Công an tỉnh Đ) đối với Ngô Hoàng D kết luận như sau: Đứt quai động mạch chủ ngực; Vỡ tim; Tràn máu khoang màng tim, khoang màng phổi; Gãy đa xương sườn; Đa vết thương phần mềm. Nạn nhân Ngô Hoàng D bị đa chấn thương ngực kín gây đứt quai động mạch chủ, vỡ tim, giập phổi dẫn đến tử vong.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 139/KLTTCT-TTPY ngày 07/5/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Huỳnh Ngọc T3 là 13% (mười ba phần trăm).

Tại phiếu kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở số 000584 ngày 26/10/2024 do Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện L xác định: Nồng độ cồn trong hơi thở của Phạm Văn T là 0,00 miligam/lít; Kết quả xét nghiệm nước tiểu ngày 26/10/2024 của Trung tâm y tế huyện L xác định Phạm Văn Trọng âm T4 với ma túy tổng hợp.

Tại kết luận giám định số: 1248/KL-KTHS ngày 20/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Nồng độ cồn Ethanol trong máu của nạn nhân Ngô Hoàng D là 217,772 miligam/100 mililit.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 02/4/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: Giá trị thiệt hại của xe môtô hai bánh biển kiểm soát 93F1-532.87 là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thông tin giấy phép lái xe xác định được: Anh Ngô Hoàng D có giấy phép lái xe hạng C, số giấy phép 250236004370 do Sở giao thông vận tải tỉnh P cấp ngày 06/6/2023; Phạm Văn T không có giấy phép lái xe.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 (một) xe môtô ba bánh gắn biển kiểm soát 61L8-8405, nhãn hiệu YINXIANG màu sơn xanh, số máy: 164ML21M000051, số khung: không có;

+ 01 (một) xe môtô hai bánh biển kiểm soát 93F1-532.87, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE@ màu sơn đen - bạc, số khung: RLHJA3919LY184407, số máy: JA39E1522874.

+ 06 (sáu) tấm tôn lạnh có kích thước (16,35x1,1) mét;

+ 01 (một) tấm tôn lạnh có kích thước (8,18x1,1) mét;

+ 06 (sáu) tấm tôn lạnh có kích thước (2,7x1,1) mét;

+ 01 (một) tấm tôn lạnh có kích thước (1,35x1,1) mét;

+ 05 (năm) tấm tôn lạnh có kích thước (2,1x1,1) mét;

+ 01 (một) tấm tôn lạnh có kích thước (1,105x1,1) mét;

+ 06 (sáu) tấm tôn bẻ cạnh có kích thước (4,2x0,4) mét;

+ 17 (mười bảy) thanh sắt hộp có kích thước (5,3x0,08x0,04) mét;

+ 06 (sáu) thanh sắt hộp có kích thước (6x0,08x0,04) mét;

+ 10 (mười) thanh sắt hộp có kích thước (6x0,06x0,03) mét;

+ 01 (một) thanh sắt chữ V dài 3 mét;

+ 02 (hai) thanh sắt vuông có kích thước (6x0,09x0,09) mét;

+ 06 (sáu) tấm tôn la phông kích thước (4,13x1,2) mét;

+ 02 (hai) tấm tôn lán có kích thước (5x0,6) mét;

+ 04 (bốn) tấm tôn lán có kích thước (4x0,6) mét;

+ 02 (hai) tấm tôn lán có kích thước (3x0,6) mét;

+ 02 (hai) tấm tôn lán có kích thước (5,3x0,6) mét;

Ngày 03/6/2025, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại số tôn, sắt nêu trên cho ông Lê Đình T5, là chủ sở hữu hợp pháp; trả lại 01 xe môtô, biển kiểm soát 93F1-532.87 cho bà Nguyễn Hồng Mỹ P.

Đối với xe môtô ba bánh, qua giám định xác định có số máy nguyên thủy là 164ML21M000051, Cơ quan điều tra đã xác minh trên thông tin dữ liệu đăng kí xe xác định không có trong cơ sở dữ liệu đăng kí, không đủ điều kiện lưu thông nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 biển kiểm soát xe 61L8-8405, qua xác minh xác định do bà Bùi Thị T6, sinh năm 1970, thường trú tại số F, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu, Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với bà T6 nhưng bà T6 không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn T đã tự nguyện bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại Ngô Hoàng D là bà Nguyễn Hồng Mỹ P số tiền 120.000.000 đồng, bà P đã nhận tiền và không yêu cầu gì khác nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Ngoài ra, bị cáo còn tự nguyện bồi thường số tiền 10.000.000đ cho anh Hoàng Ngọc T7, anh T7 đã nhận tiền và không yêu cầu gì thêm. Riêng anh Lê Trọng N1, do thương tích nhẹ nên anh N1 không yêu cầu bồi thường.

Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 15/9/2025 của Việt kiểm sát nhân dân Khu vực A, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên truy tố như cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 15/9/2025 và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Trọng phạm T8 "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức án 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách của án treo là 05 (Năm) năm.

Xử lý vật chứng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14, tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên đề nghị xử lý vật chứng như nội dung bản cáo trạng.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện bị hại D đã thỏa thuận, giải quyết xong; đại diện hợp pháp bị hại D không có yêu cầu khác nên đề nghị không giải quyết. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo T đã bồi thường cho bị hại Huỳnh Ngọc T3 số tiền 10.000.000 đồng; tại phiên tòa anh T3 tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng để điều trị thương tích do bị cáo gây ra cho anh T3; Bị cáo Phạm Văn T cũng đồng ý.

Đại diện hợp pháp của bị hại (anh D), bị hại anh Huỳnh Ngọc T3 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo, bị hại là anh T3, đại diện bị hại của anh D có mặt tại phiên tòa không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được việc điều khiển xe mô tô vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Đ; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14, tỉnh Đồng Nai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền và nghĩa vụ liên quan anh Lê Trọng N1; đại diện bị hại D là bà Nguyễn Hồng Mỹ P vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra, truy tố đã có lời khai của đại diện bị hại và người có quyền và nghĩa vụ liên quan, lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo, những người tham gia tố tụng khác và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa nên việc vắng mặt họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đại diện bị hại và người có quyền và nghĩa vụ liên quan; khi cần thiết, Hội đồng xét xử sẽ công bố bản khai tại phiên tòa.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, như sau:

Khoảng 18 giờ 30 ngày 26/10/2024, tại đoạn đường Q thuộc ấp T, xã L, tỉnh Đồng Nai, Phạm Văn T đã có hành vi điều khiển xe mô tô ba bánh, biển kiểm soát 61L8-8405 khi không có giấy phép lái xe theo quy định, chở theo nhiều tấm tôn được cuộn tròn có chiều dài 16,35m và nhiều thanh sắt cồng kềnh chạy chuyển hướng cho xe lùi không đảm bảo an toàn dẫn đến va chạm với xe mô tô, biển kiểm soát 93F1-532.87 do anh Ngô Hoàng D điều khiển chở theo anh Lê Trọng N1 làm anh D tử vong; anh Lê Trọng N1 và anh Huỳnh Ngọc T3 bị thương.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với Biên bản hiện trường, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Bản kết luận giám định pháp y về tử thi, Biên bản khám nghiệm phương tiện, phù hợp với vật chứng của vụ án. Như vậy, có căn cứ xác định: Hành vi Điều khiên phương tiện giao thông khi không có giấy phép lái xe; chở hàng hóa cồng kềnh chạy chuyển hướng cho xe lùi không đảm bảo an toàn gây cho anh Ngô Hoàng D tử vong trên đường đi cấp cứu; anh Huỳnh Ngọc T3 và Lê Trọng N1 bị thương. Hành vi trên đây của Phạm Văn T đã vi phạm vào khoản 1 điều 16 và điểm d, khoản 3, điều 30 Luật giao thông đường bộ năm 2008 và đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người;

……..

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định

……..

[4] Hành vi của bị cáo Phạm Văn T là nguy hiểm cho xã hội, gây cho anh Ngô Hoàng D tử vong; anh Huỳnh Ngọc T3, Lê Trọng N1 bị thương. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, sau khi xảy ra tai nạn bị cáo đã chủ động hỏi thăm, bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại Ngô Hoàng D và bị hại anh Huỳnh Ngọc T3; bị hại anh T3 và gia đình bị hại của anh D bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xin cho bị cáo được hưởng án treo; Đối với anh Lê Trọng N1 bị thương nhẹ nên không yêu cầu bị cáo bồi thường; Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự như trên, không có tình tiết tăng nặng; phạm tội lần đầu với lỗi vô ý; là lao động chính, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần áp dụng mức hình phạt đầu khung của khung hình phạt áp dụng và không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo để cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo, rèn luyện dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo sinh sống, cũng đảm bảo phòng ngừa tội phạm; thể hiện sự khoan hồng, nhân văn của pháp luật đối với người phạm tội vô ý và ăn năn hối cải.

[5] Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử lý vật chứng và Trách nhiệm dân sự nêu trên là có căn cứ, phù hợp pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Tại phiên tòa bị hại anh Huỳnh Ngọc T3 tiếp tục yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng để chữa trị thương tích do bị cáo gây ra, bị cáo cũng đồng ý bồi thường nên cần ghi nhận.

[6] Án phí:

Án phí hình sự, dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

2/ Hình phạt và điều luật áp dụng:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Phạm Văn T mức án 03 (Ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách của án treo là 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Đồng Nai quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp

hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3/ Trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện gia đình bị hại D đã thống nhất giải quyết xong nên không tiếp tục giải quyết.

Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 591 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự thống nhất giữa bị cáo Phạm Văn T và bị hại Huỳnh Ngọc T3.

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Huỳnh Ngọc T3 chí phí điều trị thương tích số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: Đối với xe môtô ba bánh, qua giám định xác định có số máy nguyên thủy là 164ML21M000051, Cơ quan điều tra đã xác minh trên thông tin dữ liệu đăng kí xe xác định không có trong cơ sở dữ liệu đăng kí, không đủ điều kiện lưu thông.

- Tịch thu tiêu hủy: Đối với 01 biển kiểm soát xe số 61L8-8405, qua xác minh xác định do bà Bùi Thị T6, sinh năm 1970, thường trú tại số F, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh đứng tên chủ sở hữu, Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với bà T6 nhưng bà T6 không yêu cầu nhận lại và không còn giá trị sử dụng.

(Theo mô tả như Biên bản giao nhận vật chứng số NK 2025/020 ngày 25/9/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 14, tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 16/QĐ-VKS ngày 15/9/2025 của Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 14, tỉnh Đồng Nai về chuyển vật chứng).

5/ Án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đại

diện bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- Phòng HSNC CA tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND KV 14, tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS KV 14, tỉnh Đồng Nai;
- Phân trại tạm giam Lộc Ninh,
thuộc trại tạm giám số 2 – Công an tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; Bị hại; Đại diện của bị hại;
Người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.(.....)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Học